

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Tư duy pháp lý
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Legal Reasoning
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	ứng dụng
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	30
- Nghiên cứu tình huống, thảo luận:	
- Thực hành: + Thực hành tích hợp: + Thực hành phòng máy, PMP, DN	15
- Tự học:	
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế - Luật
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	không
- Học phần học trước:	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
- Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần chuyển tải các vấn đề chính sau: nhập môn tư duy pháp lý, các quy luật cơ bản của tư duy và lối nghị biện phổ biến trong tranh luận, các phương pháp tư duy căn bản, kỹ thuật trong hoạt động áp dụng pháp luật, thực hiện pháp luật như phân tích logic quy phạm pháp luật, kỹ thuật lựa chọn nguồn pháp luật, kỹ thuật xử lý xung đột và lỗ hổng pháp luật, phương pháp giải thích pháp luật.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

Học phần tư duy pháp lý được giảng dạy trong chương trình đào tạo nhằm mục tiêu giúp sinh viên không những hiểu các tri thức về tư duy pháp lý mà còn phát hiện vấn đề, phân tích, phản biện, lập luận, xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động áp dụng pháp luật, thực hiện pháp luật.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Trình bày được các khái niệm và phân loại tư duy. Phân biệt được các loại lỗi ngụy biện trong tranh luận pháp lý để phòng tránh và bác bỏ hiệu quả;
CLO2	Vận dụng các quy luật của tư duy pháp lý, các phương pháp tư duy pháp lý căn bản để nhận diện chính xác vấn đề pháp lý cần giải quyết, hoặc đánh giá quan điểm của người khác
CLO3	Áp dụng các phương pháp giải thích pháp luật và kỹ thuật lựa chọn nguồn luật, xử lý xung đột pháp luật, lỗ hổng pháp luật để đánh giá quy phạm pháp luật, nguồn luật và hệ thống pháp luật
Về kỹ năng	
CLO4	Thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, tranh luận bằng các quy luật, phương pháp tư duy pháp lý và quy phạm pháp luật.
Về thái độ	
CLO5	Có thói quen tư duy pháp lý.
CLO6	Tích cực nâng cao trình độ tư duy pháp lý và áp dụng tốt vào hoạt động thực tiễn.

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1				I						
CLO 2				R						
CLO 3				M						
CLO 4								M		
CLO 5										A
CLO 6										A
Tổng hợp học phần				M				M		A

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: 5 tiết Từ:	CHƯƠNG I: TƯ DUY, TƯ DUY HỌC VÀ TƯ DUY PHÁP LÝ I. Lý luận về tư duy 1. Khái niệm tư duy 2. Đặc điểm của tư duy	4	1			12	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc GT trang 43-49

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Đến...	II. Tư duy học (khoa học về tư duy) III. Tư duy pháp lý với tính chất là một khoa học 1. Đối tượng nghiên cứu 2.Phương pháp nghiên cứu 3. Mối liên hệ giữa tư duy pháp lý với các khoa học pháp lý cơ bản và các khoa học pháp lý chuyên ngành IV. Tư duy pháp lý với tính chất là một học phần trong chương trình đào tạo cử nhân luật học V.Ý nghĩa của tư duy pháp lý							Đọc GT trang 15-39
Tuần 2: 5 tiết Từ: Đến...	CHƯƠNG II: KHÁI NIỆM, ĐẶC TRƯNG VÀ PHÂN LOẠI TƯ DUY PHÁP LÝ I. Khái niệm và các đặc trưng cơ bản của tư duy pháp lý 1. Khái niệm 2. Các đặc trưng cơ bản	4	1			11	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc GT trang 50-88

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	II. Phân loại tư duy pháp lý III. Tư duy phản biện trong lĩnh vực pháp lý (critical thinking) IV. Tư duy phân loại khái niệm trong lĩnh vực pháp lý (classification of legal concepts)							
Tuần 3:5 tiết Từ: Đến...	CHƯƠNG III. CÁC QUY LUẬT CỦA TƯ DUY VÀ ỨNG DỤNG VÀO LĨNH VỰC PHÁP LÝ I. Khái niệm, đặc điểm của quy luật tư duy II. Các quy luật cơ bản của tư duy 1. Quy luật đồng nhất 2. Quy luật cấm mâu thuẫn 3. Quy luật loại trừ cái thứ ba (hay còn gọi là luật bài trung) 4. Quy luật lý do đầy đủ III. Ứng dụng các quy luật cơ bản của tư duy trong lĩnh vực pháp lý	3	2			12	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc GT trang 95-108

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 4:5 tiết Từ: Đến...	CHƯƠNG IV: CÁC PHƯƠNG PHÁP TƯ DUY PHÁP LÝ CĂN BẢN I. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của các phương pháp tư duy pháp lý II. Các phương pháp tư duy pháp lý căn bản 1. Phương pháp tư duy diễn dịch (a maiore ad minus) 2. Phương pháp tư duy quy nạp (a maiore ad minus) 3. Phương pháp tam đoạn luận (syllogismos) 4. Phương pháp tư duy IRAC 5. Phương pháp suy luận tương tự (analogy)	4	1			12	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc GT trang 140-166
Tuần 5:5 tiết Từ: Đến...	6. Phương pháp tư duy phân biệt (A khác B, vì vậy qui tắc A không thể áp dụng cho B). 7. Phương pháp suy luận đối nghịch (argumentum a contrario)	3	2			12	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc GT trang 86-90

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	8. Phương pháp suy luận tất nhiên (fortiori) 9. Phương pháp suy luận loại trừ (enumeratio) 10. Phương pháp phân tích luật (legal analysis) 11. Phương pháp lập luận pháp lý (legal reasoning)							
Tuần 6:5 tiết Từ: Đến...	CHƯƠNG 5: NGỤY BIỆN TRONG TRANH LUẬN PHÁP LÝ I. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của việc phát hiện lỗi ngụy biện trong tranh luận pháp lý II. Các dạng lỗi ngụy biện cơ bản trong tranh luận pháp lý 1. Lỗi ngụy biện tấn công cá nhân (Ad Hominem) 2. Lỗi ngụy biện “lợi dụng quyền lực” (ad verecundiam) 3. Lỗi ngụy biện “Đặt nghĩa vụ chứng	3	2				Thuyết giảng và thảo luận	Đọc GT trang 112 - 124

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	minh” (Burden of Proof) 4. Lỗi ngụy biện “hai sai thành một đúng” (two wrongs make a right)							
Tuần 7:5 tiết Từ: Đến...	5. Lỗi ngụy biện “được nhiều người tin thì đúng” (Appeal to Belief) 6. Lỗi ngụy biện “dựa vào số đông” (ad numerum) 7. Lỗi ngụy biện “cái xảy ra sau” (Post Hoc) 8. Lỗi ngụy biện lợi dụng nặc danh (anonymous authority) 9. Lỗi ngụy biện người rơm (straw man) 10. Lỗi ngụy biện khái quát hóa vội vã (secundum quid)	2	3			12	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc GT trang 112 - 124

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 8:5 tiết Từ: Đến...	CHƯƠNG 6: KỸ THUẬT PHÂN TÍCH QUY PHẠM PHÁP LUẬT, LỰA CHỌN NGUỒN PHÁP LUẬT, GIẢI THÍCH PHÁP LUẬT I. Kỹ thuật phân tích quy phạm pháp luật 1. Kỹ thuật nhận diện và phân tích quy phạm pháp luật đầy đủ 2. Kỹ thuật nhận diện và phân tích quy phạm pháp luật không đầy đủ 3. Các lỗi điển hình trong phân tích logic quy phạm pháp luật II. Kỹ thuật lựa chọn nguồn pháp luật, xử lý xung đột pháp luật và lỗ hổng pháp luật 1. Kỹ thuật lựa chọn nguồn pháp luật 2. Kỹ thuật xử lý xung đột pháp luật 3. Kỹ thuật xử lý lỗ hổng pháp luật III. Giải thích pháp luật 1. Khái niệm, đặc điểm của giải thích pháp luật	3	2			11	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc GT trang 231-299

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	2. Các hình thức giải thích pháp luật 3. Các nguyên tắc giải thích pháp luật 4. Các phương pháp giải thích pháp luật							
Tuần 9:5 tiết Từ: Đến...	CHƯƠNG 7: TƯ DUY PHÁP LÝ Ở 2 HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CHÍNH TRÊN THẾ GIỚI I. Tư duy pháp lý trong hệ thống pháp luật Common Law II. Tư duy pháp lý trong hệ thống pháp luật Civil Law Kiểm tra Ôn tập	4	1			11	Thuyết giảng và thảo luận Kiểm tra	Đọc GT trang 301-315
	Tổng	30	15			105		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

1. PGS.TS Nguyễn Minh Tuấn, PGS.TS Nguyễn Hoàng Anh (2020), *Giáo trình tư duy pháp lý*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Phạm Đình Nghiệm, *Nhập môn logic học*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2011.

3. William Putman, *Legal analysis and writing*, 4th edition, Delma Cengage Learning, 2013.

6.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

1. Richard Neumann, Kristen Tiscione, *Legal reasoning and legal writing*, 7th edition, Aspen Coursebook Series, Wolters Kluwer, 2013.
2. Kenneth Vandavelde, *Thinking like a lawyer – an introduction to legal reasoning*, 2nd edition, Westview Press, 2011.
3. Robin Slocum, *Legal reasoning, writing, and other lawyering skills*, 3rd edition, LexisNexis, 2011.
4. Linda Edwards, *Legal writing and analysis*, 3rd edition, Aspen Coursebook Series, Wolters Kluwer, 2011.
5. Stephen Elias, *Legal research – how to find and understand the law*, 16th edition, Nolo, 2012.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40%

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần: Sinh viên đi học thường xuyên, vắng học sẽ bị trừ điểm Trong giờ học tích cực phát biểu, tham gia hoạt động học tập	- Đánh giá thái độ tích cực của sinh viên đối với môn học. - Đánh năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân, tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp	CLO5,6	10%
3	Bài tập nhóm: GV sẽ đưa ra các tình huống thực tế hoặc giả định, SV tiến hành thảo luận theo nhóm. Mỗi nhóm sẽ cử một đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, GV hoặc các nhóm khác sẽ đặt câu hỏi hoặc phản biện,	- Đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức của SV để giải thích các vấn đề liên quan đến tư duy pháp lý. - Đánh giá được khả năng vận dụng được các kiến thức tư duy pháp lý nhằm lập luận, tranh biện. - Đánh giá được kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ	CLO4	30%

	nhóm lập luận để bảo vệ quan điểm của mình.	năng nói trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm của SV.		
4	Kiểm tra giữa kỳ: Kiểm tra giữa kì 45 phút bằng tự luận, nội dung từ chương 1 đến chương 6.	- Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các khái niệm, quy luật của tư duy pháp lý. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống cụ thể, đặc biệt là các tình huống pháp lý. - Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, giải quyết câu hỏi thực tế được đưa ra trong bài kiểm tra.	CLO1,2,3	60%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN gồm một số câu hỏi, yêu cầu sinh viên vận dụng các kiến thức tư duy pháp lý để trả lời câu hỏi hoặc luận giải, bảo vệ quan điểm về một vấn đề.	Đánh giá về kiến thức: - Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các kiến thức logic học trong đời sống và công việc. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng tình huống cụ thể.	CLO 1,2,3	70%
	Đánh giá về kỹ năng: - Đánh giá được khả năng vận dụng các khái niệm, kỹ năng phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến cuộc sống và pháp luật. - Đánh giá khả năng bình luận các quy phạm pháp luật trong mỗi tình huống cụ thể.	CLO4	20%

	- Đánh giá khả năng tư duy, phân tích, phân biệt để bảo vệ được quan điểm cá nhân.		
	Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức và kỹ năng được học; vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong từng tình huống thực tiễn.	CLO5,6	20%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên vào lớp đúng giờ, tham dự đầy đủ các buổi học, tham dự thảo luận, phản biện nhóm và các hoạt động học tập khác cho môn học.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

Không nói chuyện, làm việc riêng trong giờ học, tuân thủ đúng quy định của lớp học.

8.3 Quy định về học vụ

Sinh viên vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần.

Sinh viên không tham dự kì thi cuối kì bị coi là không hoàn thành học phần.

9. HOLISTIC RUBRIC

Bảng 01. Rubric đánh giá điểm chuyên cần và tham gia thảo luận/trả lời trên lớp

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Số buổi dự học (đủ tiết/buổi) theo thời khóa biểu	CLO5 CLO6	50%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Sự chủ động, tích cực tham gia thảo luận/trả lời câu hỏi		50%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các câu hỏi về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% các câu hỏi về nội dung bài học.

Bảng 02. Rubric đánh giá kết quả làm việc nhóm (hoặc thuyết trình)

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Tổ chức và phối hợp tham gia thực hiện của các thành viên trong nhóm	CLO5 CLO6	15%	< 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 80% đến 100% thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm
Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO4	10%	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả.	Các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ ràng các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày trước đám đông	CLO4	15%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.	Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe.
Tương tác/trả lời câu hỏi	CLO2 CLO3	30%	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.
Nội dung Bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO1 CLO2 CLO3	30%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội dung.

Bảng Rubric đánh giá bài thi quá trình hoặc thi cuối kỳ (Tự luận)

Tiêu chí	CĐR	Cấu trúc điểm thành phần	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10

Mức cơ bản	CLO1,2	60%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Mức nâng cao	CLO2,3	40%				

Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu cận kề	Hiểu sâu
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	10%	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới
CLO2	20%					
CLO3	20%					
CLO4	30%					
CLO5	10%					
CLO6	10%					
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

Đ. Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Vanla

Phuoc

Thi Dong Ha

Đang Ngoc Phuoc

Tô Thị Đông Hà

Nguyễn Văn Sơn